

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1288*/UBND-NC

Quảng Trị, ngày 07 tháng 10 năm 2025

V/v hướng dẫn giải quyết chế độ,
chính sách theo Nghị quyết số
07/2025/NQ-CP của Chính phủ

Kính gửi:

- Các cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc UBND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh;
- Các Hội được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ;
- UBND các xã, phường, đặc khu.

Thực hiện Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP, ngày 17/9/2025 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với đối tượng chịu sự tác động do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp theo Kết luận số 183-KL/TW ngày 01/8/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư (Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP); Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện; cụ thể như sau:

I. Đối tượng áp dụng:

1. Chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đã đủ tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu (Nghị định số 135/2020/NĐ-CP): Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP.

2. Chính sách đối với cán bộ từ cấp xã trở lên đã đủ tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP hoặc đang hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động, chế độ bệnh binh: Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP.

3. Chính sách đối với người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập: Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP.

4. Chính sách đối với người làm việc ngoài chỉ tiêu biên chế tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh hoặc ở cấp huyện trước thời điểm ngày 01/7/2025: Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP và Nghị quyết của HĐND tỉnh¹.

Lưu ý: Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, đối tượng thuộc lực lượng vũ trang và người làm việc tại Hội do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ ở

¹ UBND tỉnh đang cân đối ngân sách địa phương đề trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết



cấp tỉnh, cấp huyện trước ngày 01/7/2025 thuộc đối tượng áp dụng quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP nếu đã nghỉ việc do sắp xếp tổ chức bộ máy theo yêu cầu của việc thực hiện tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp từ ngày có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền đến trước ngày Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP có hiệu lực thi hành nhưng chưa được hưởng chính sách, chế độ theo quy định của Chính phủ thì được áp dụng chính sách, chế độ quy định tại Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP; trường hợp đã được hưởng chính sách, chế độ nhưng mức trợ cấp thấp hơn chính sách, chế độ quy định tại Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP thì được cấp bổ sung theo quy định tại Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP của Chính phủ.

II. Hồ sơ thực hiện:

1. Hồ sơ áp dụng chung:

- Tờ trình của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị phê duyệt danh sách đối tượng, kinh phí thực hiện.

- Danh sách đối tượng và dự toán kinh phí thực hiện (*Đối tượng tại Điều 1 Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP áp dụng phụ lục 1; đối tượng tại Điều 2 Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP áp dụng phụ lục 2; đối tượng tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP áp dụng phụ lục 3 (đối với nghỉ thôi việc) hoặc phụ lục 4 (nghỉ hưu trước tuổi); đối tượng tại điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP áp dụng phụ lục 5; đối tượng tại Điều 4 Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP áp dụng Phụ lục 6 kèm theo).*

- Văn bản của cấp có thẩm quyền xác định đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động... (ví dụ: *Quyết định tuyển dụng công chức, viên chức, hợp đồng lao động hoặc văn bản có liên quan đến việc tuyển dụng nhân sự của cấp có thẩm quyền,...*).

- Giấy khai sinh hoặc căn cước công dân.

- Các Quyết định lương, phụ cấp theo lương (*phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp ưu đãi nghề, phụ cấp trách nhiệm theo nghề, phụ cấp công vụ...*).

- Quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy theo yêu cầu của việc thực hiện tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

2. Hồ sơ cụ thể:

a) Đối với trường hợp đã nghỉ việc trước thời điểm Nghị quyết có hiệu lực thi hành (trước ngày 17/9/2025)

- Bản sơ yếu lý lịch cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo quy định hiện hành trong thời hạn 30 ngày trước ngày nộp hồ sơ, có xác nhận của địa phương.

- Quyết định phê chuẩn, bổ nhiệm chức vụ; phân công, bố trí vị trí việc làm trước thời điểm nghỉ việc.



- Quyết định nghỉ việc của cấp có thẩm quyền (nếu có).
- Quyết định hưởng chế độ hưu trí của cơ quan BHXH hoặc bản ghi quá trình tham gia BHXH đến thời điểm nghỉ việc có xác nhận của cơ quan BHXH.
- b) Đối với trường hợp nghỉ việc kể từ ngày 01/11/2025.
 - Bản sơ yếu lý lịch cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo quy định hiện hành trong thời hạn 30 ngày trước ngày nộp hồ sơ, có xác nhận của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương.
 - Đơn tự nguyện xin nghỉ việc của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (*bao gồm trường hợp hiện được chỉ định tham gia các tổ chức mặt trận, đoàn thể cấp xã, mẫu đính kèm theo Công văn này*);
 - Ý kiến của tập thể lãnh đạo cấp ủy cùng cấp;
 - Ý kiến của tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương;
 - Quyết định phê chuẩn, bổ nhiệm chức vụ; phân công, bố trí vị trí việc làm đang đảm nhiệm.
 - Bản ghi quá trình đóng bảo hiểm xã hội có xác nhận của cơ quan BHXH.
- Hồ sơ cá nhân của từng đối tượng nghỉ việc được đựng trong bì hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo quy định.

III. Quy trình thực hiện:

- **Bước 1:** Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương lấy ý kiến tập thể lãnh đạo cấp ủy, chính quyền cùng cấp xem xét đơn tự nguyện xin nghỉ việc của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động và tiến hành rà soát đối tượng, lập đề nghị và hồ sơ theo quy định tại Mục II, gửi Sở Nội vụ và Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện (*Hồ sơ gồm 02 bộ: Sở Nội vụ 01 bộ và Sở Tài chính 01 bộ*).

Thời hạn nộp hồ sơ: **Trước ngày 14/10/2025.**

- **Bước 2:** Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị thì Sở Nội vụ có trách nhiệm thẩm định đối tượng hưởng chế độ, chính sách; các thông tin liên quan đến tiền lương của cá nhân và gửi BHXH tỉnh Quảng Trị để thẩm định quá trình tham gia, các thông tin liên quan đến BHXH của cá nhân; Sở Tài chính thẩm định kinh phí thực hiện.

Thời hạn Sở Nội vụ gửi văn bản đến BHXH tỉnh, Sở Tài chính: **Trước ngày 21/10/2025.**

- **Bước 3:** Sau khi nhận được văn bản đề nghị của Sở Nội vụ thì BHXH tỉnh Quảng Trị có trách nhiệm thẩm định quá trình tham gia và các thông tin liên quan đến BHXH của cá nhân và gửi kết quả về Sở Nội vụ, Sở Tài chính; Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định kinh phí thực hiện và gửi kết quả về Sở Nội vụ theo yêu cầu.

Thời hạn gửi kết quả thẩm định về Sở Nội vụ: BHXH tỉnh gửi kết quả **trước ngày 24/10/2025** và Sở Tài chính gửi kết quả **trước ngày 25/10/2025.**

- **Bước 4:** Sở Nội vụ tổng hợp kết quả thẩm định từ BHXH tỉnh, Sở Tài chính



và trình UBND tỉnh **trước ngày 26/10/2025** để xem xét, quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện.

- **Bước 5:** Văn phòng UBND tỉnh kịp thời tham mưu trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt.

- **Bước 6:** Sau khi có quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện, Sở Tài chính tham mưu cấp kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo quy định.

- **Bước 7:** Cơ quan, đơn vị, địa phương chi trả chế độ, chính sách đến đối tượng theo đúng quy định pháp luật.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm thực hiện đúng thời hạn nêu trên và đảm bảo hoàn thành việc chi trả chế độ, chính sách theo quy định **trước ngày 01/11/2025** (*thời gian nộp hồ sơ, văn bản tính theo thời gian công văn đến tại văn thư các cơ quan, đơn vị*).

Lưu ý: Trách nhiệm rà soát, lập danh sách, dự toán kinh phí và chi trả chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã giải thể, chấm dứt hoạt động hoặc các trường hợp nghỉ việc trước ngày Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP có hiệu lực thi hành:

- Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị đã giải thể, chấm dứt hoạt động:

+ Đối với các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp huyện trước thời điểm ngày 01/7/2025: Các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện quy trình giải quyết chế độ, chính sách (*ví dụ: Hội Chữ thập đỏ tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện quy trình giải quyết chế độ, chính sách đối với Hội Chữ thập đỏ cấp huyện...*).

+ Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở: Cơ quan quản lý ĐVSN công lập chịu trách nhiệm thực hiện quy trình giải quyết chế độ, chính sách (*ví dụ: Sở Xây dựng chịu trách nhiệm thực hiện quy trình giải quyết chế độ, chính sách đối với Trạm Kiểm tra tải trọng xe lưu động...*).

+ Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện: UBND cấp xã đóng tại trung tâm (*nơi đóng trụ sở UBND cấp huyện cũ*) chịu trách nhiệm thực hiện quy trình giải quyết chế độ, chính sách.

- Đối với các cơ quan, đơn vị đã hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại, chuyển nguyên hiện trạng:

+ Cơ quan, tổ chức, đơn vị sau hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại có trách nhiệm thực hiện quy trình giải quyết chế độ, chính sách (*ví dụ: xã A hợp nhất với xã B và xã C thành xã mới là xã D thì UBND xã D có trách nhiệm thực hiện quy trình giải quyết chế độ, chính sách đối với xã A, B, C...*).

+ Đối với ĐVSN công lập thuộc UBND cấp huyện chuyển nguyên hiện trạng về UBND cấp xã quản lý thì ĐVSN công lập đó có trách nhiệm rà soát, đề nghị UBND cấp xã thực hiện quy trình giải quyết chế độ, chính sách.

- Đối với các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức và người lao động nghỉ việc trước ngày Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP có hiệu lực thi hành: Cơ

quan, đơn vị, địa phương của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động công tác trước khi nghỉ việc chịu trách nhiệm thực hiện quy trình giải quyết chế độ, chính sách. Trường hợp, sau khi nghỉ việc cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác có sáp nhập, hợp nhất, tổ chức lại hoặc giải thể, chấm dứt hoạt động thì áp dụng thẩm quyền giải quyết như trên. (ví dụ: Ông Nguyễn Văn A công tác ở Sở A, nghỉ việc tại thời điểm 01/7/2025 thì Sở A có trách nhiệm rà soát, thực hiện quy trình. Trường hợp, Sở A, tỉnh B hợp nhất với Sở C, tỉnh D thành Sở E, tỉnh F thì Sở E có trách nhiệm rà soát, thực hiện quy trình giải quyết chế độ, chính sách).

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, giao Sở Nội vụ hướng dẫn giải quyết, trường hợp cần thiết báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh ;
- Các Sở: Nội vụ, Tài chính;
- BHXH tỉnh Quảng Trị;
- Lưu: VT, TH, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Phong

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ



DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NHỮNG NGƯỜI ĐÃ ĐỦ TUỔI NGHỈ HƯU QUY ĐỊNH TẠI PHỤ LỤC II BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 135/2020/NĐ-CP

[illegible]



DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NHỮNG NGƯỜI LÀM VIỆC THEO CHẾ ĐỘ HỖ LỢI TRONG ĐVSN CÔNG LẬP NGHỈ THỜI VIỆC THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 07/2025/NQ-CP NGÀY 17/9/2025 CỦA CHÍNH PHỦ

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh/chức vụ/nhiệm vụ đang đảm nhiệm	Hệ số lương, các khoản phụ cấp lương hiện hưởng									Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Thời điểm sắp xếp	Tuổi tại thời điểm nghỉ thôi việc	Thời điểm nghỉ thôi việc	Số tháng tính hưởng trợ cấp thôi việc	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Kinh phí giải quyết chính sách, chế độ (1000 đồng)				Lý do hưởng chế độ, chính sách
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Phụ cấp chức vụ lãnh đạo	Phụ cấp thâm niên vượt khung (%)	Phụ cấp thâm niên nghề (%)	Phụ cấp ưu đãi theo nghề (%)	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề (%)	Phụ cấp công vụ (%)	Phụ cấp công tác đánh, đoàn thể chính trị - xã hội (%)						Tổng số	Trong đó có số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp khu vực hệ số PC 0,7 trở lên	Tổng cộng	Trợ cấp nghỉ thôi việc	Trợ cấp do đóng BHXH	Trợ cấp tìm việc làm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	#	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
1	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG (... trường hợp)																								
1	1.1																								
2	2.1																								

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NHỮNG NGƯỜI LÀM VIỆC THEO CHẾ ĐỘ HDLĐ TRONG ĐVSN CÔNG LẬP NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 07/2025/NQ-CP NGÀY 17/9/2025 CỦA CHÍNH PHỦ

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo (ghi rõ chuyên ngành)	Chức danh/chức vụ/nhiệm vụ đang đảm nhiệm	Hệ số lương, các khoản phụ cấp lương hiện hưởng										Tiền lương tháng hiện hưởng (1000đ)	Thời điểm sắp xếp	Tuổi tại thời điểm nghỉ hưu trước tuổi	Số tháng nghỉ hưu trước tuổi	Thời gian đóng BHXH bắt buộc		Kinh phí giải quyết chính sách, chế độ (1000 đồng)				Lý do hưởng chế độ, chính sách																	
					Hệ số lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ chức danh nghề nghiệp hoặc mức lương theo thỏa thuận ghi trong HDLĐ	Các khoản phụ cấp													Tổng số	Trong đó có số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp khu vực hệ số PC 0,7 trở lên	Tổng cộng	Trợ cấp hưu trí một lần	Chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo thời gian công tác có đóng BHXH và số năm nghỉ sớm																			
						Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Phụ cấp chức vụ lãnh đạo	Phụ cấp thâm niên vượt khung (%)	Phụ cấp thâm niên nghề (%)	Phụ cấp ưu đãi theo nghề (%)	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề (%)	Phụ cấp công vụ (%)	Phụ cấp công tác đặc biệt, đoàn thể chính trị - xã hội (%)									Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Tổng cộng		Trợ cấp cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp cho 15 năm đầu công tác có đóng BHXH	Trợ cấp từ năm thứ 16 trở đi công tác có đóng BHXH														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29														
1	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG (..... trường hợp)																																									



DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NHỮNG NGƯỜI LÀM VIỆC THEO CHẾ ĐỘ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TRONG ĐVSN CÔNG LẬP ĐÃ ĐỦ TUỔI NGHỈ HƯU QUY ĐỊNH TẠI PHỤ LỤC II BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 135/2020/NĐ-CP

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ đào tạo (ghi rõ chuyên ngành)	Chức danh/chức vụ/nhiệm vụ đang đảm nhiệm hoặc đảm nhiệm trước khi nghỉ hưu	Hệ số lương, các khoản phụ cấp lương hiện hưởng										Tiền lương tháng hiện hưởng hoặc tiền lương tháng trước liền kề thời điểm nghỉ hưu (1000đ)	Thời điểm tiếp xếp TCBM, ĐVHC	Thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo phụ lục II	Thời điểm nghỉ việc	Thời gian công tác từ khi đủ tuổi nghỉ hưu theo Phụ lục II	Thời gian đóng BHXH bắt buộc		Kinh phí giải quyết chính sách, chế độ (1000 đồng)			Lý do hưởng chính sách, chế độ
						Các khoản phụ cấp															Tổng số	Trong đó có số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp khu vực hệ số PC 0,7 trở lên	Tổng cộng	Trợ cấp cho thời gian công tác từ đủ 15 tháng trở xuống	Trợ cấp cho thời gian công tác từ tháng thứ 16 trở đi	
		Hệ số lương	Thời điểm hưởng			Phụ cấp chức vụ lãnh đạo	Phụ cấp thâm niên vượt khung (%)	Phụ cấp thâm niên nghề (%)	Phụ cấp ưu đãi theo nghề (%)	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề (%)	Phụ cấp công vụ (%)	Phụ cấp công tác đoàn thể chính trị - xã hội (%)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
1	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG (..... trường hợp)																									
1	1																									
2	2																									

DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NHỮNG NGƯỜI LÀM VIỆC NGOÀI CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ TẠI CÁC HỘI DO ĐẢNG, NHÀ NƯỚC GIAO NHIỆM VỤ

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ đào tạo (ghi rõ chuyên ngành)	Chức danh/chức vụ/nhiệm vụ đang đảm nhiệm hoặc đảm nhiệm trước khi nghỉ hưu	Hệ số lương, các khoản phụ cấp lương hiện hưởng										Tiền lương tháng hiện hưởng hoặc thù lao hiện hưởng (1000đ)	Thời điểm sắp xếp TCBM, ĐVHC	Thời điểm nghỉ việc	Thời gian công tác để tính chế độ (tháng)	Kinh phí giải quyết chính sách, chế độ (1000 đồng)	Lý do hưởng chính sách, chế độ
						Hệ số lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ chức danh nghề nghiệp hoặc mức lương theo		Các khoản phụ cấp													
		Nam	Nữ			Hệ số lương g	Thời điểm hưởng	Phụ cấp chức vụ lãnh đạo	Phụ cấp thâm niên vượt khung (%)	Phụ cấp thâm niên nghề (%)	Phụ cấp ưu đãi theo nghề (%)	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề (%)	Phụ cấp công vụ (%)	Phụ cấp công tác đảng, đoàn thể chính trị - xã hội (%)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	ĐƠN VỊ (..... trường hợp)																				
1	1																				
2	2																				